Phụ lục 1

MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

(Kèm theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HỒNG HÀ

TRƯỜNG TIỂU HỌC NHẬT TÂN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học 2025-2026

I. THÔNG TIN CHUNG

1.Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG TIỂU HỌC NHẬT TÂN

2. Địa chỉ trụ sở chính: Số 364 đường Âu Cơ, phường Hồng Hà, Hà Nội

Điện thoại: 02422192570. Website: thnhattantayho.edu.vn.

Diện tích: 7054 m^2

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

4.1. Tầm nhìn

Trường Tiểu học Nhật Tân phấn đấu trở thành trường tiểu học điển hình trong xây dựng Trường học Hạnh phúc và triển khai chuyển đổi số tại địa phương, đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh theo chương trình GDPT cấp tiểu học.

4.2. Sứ mệnh

Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, nhân ái và hạnh phúc; đổi mới phương pháp dạy học và quản trị theo hướng số hóa; nuôi dưỡng phẩm chất và năng lực nền tảng cho học sinh tiểu học.

4.3. Mục tiêu

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; xây dựng môi trường học tập hạnh phúc, an toàn và nhân văn; đẩy mạnh chuyển đổi số trong dạy học và quản trị nhà trường; phát triển đội ngũ đáp ứng yêu cầu đổi mới, tạo nền tảng để tiến tới mô hình Trường học Thông minh vào giai đoạn sau năm 2030.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Trường Tiểu học Nhật Tân được thành lập năm 1992 theo Quyết định số 16/QĐ-TC ngày 29/06/1992 của UBND huyện Từ Liêm.

Sau sát nhập chính quyền 2 cấp, trường được tổ chức lại thuộc UBND phường Hồng Hà theo Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 của UBND phường Hồng Hà.

Trường Tiểu học Nhật Tân là trường công lập được đầu tư cơ sở vật chất, đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên; là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân. Tổng diện tích xây dựng: 8505m^2 gồm 5 toà nhà. Hiện trường có tổng 46 phòng. Trong đó: 38 phòng học, 6 phòng bộ môn, 5 phòng phục vụ học tập, sân chơi, sân tập, thư viện…., cảnh quan sư phạm thoáng mát, xanh, sạch, đẹp, an toàn; khuôn viên trường trồng nhiều cây xanh. Điều kiện cơ sở vật chất khang trang, hiện đại. 100% các phòng học đều đạt chuẩn quy định về bàn ghế, ánh sáng, có đủ máy điều hòa nhiệt độ, máy tính, màn hình ti vi, bảng tương tác, tủ đựng thiết bị,...đảm bảo đủ điều kiện cho công tác dạy và học, có hệ thống nước uống tiệt khuẩn, bếp ăn bán trú đảm bảo tuyệt đối về an toàn vệ sinh thực phẩm phục vụ tốt trong việc chăm sóc sức khỏe học sinh. Trình độ chuyên môn có 97.9% giáo viên đạt chuẩn.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hương

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ thư điện tử: c1nhattan2023@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

7.1. Quyết định thành lập:

- Quyết định số 16/QĐ-TC ngày 29/6/1992 của UBND huyện Từ Liêm.
- Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 của UBND phường Hồng Hà về việc tổ chức lại các trường MN, TH, THCS thuộc phường Hồng Hà.

7.2. Quy chế tổ chức và hoạt động:

Trường Tiểu học Nhật Tân là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND phường Hồng Hà, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng; chịu sự chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của UBDN phường Hồng Hà.

Cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều 3 Điều lệ trường Tiểu học ban hành Thông tư 28/2020/TT/BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Thành tích nổi bật:

Năm học 2025-2026, trường có 02 giáo viên dự thi Giáo viên dạy giỏi cấp cấp phường đạt 1 giải Nhất và 1 giải Nhì ; 12 giáo viên đạt Chiến sĩ thi đua cơ sở; 55 giáo viên, nhân viên đạt lao động tiên tiến cấp phường; 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp cấp Tiểu học.

- Trường đạt Tập thể Lao động xuất sắc, Liên đội mạnh cấp Thành phố ; Chi bộ đạt Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Năm học 2025 – 2026, các con học sinh tích cực tham gia các cuộc thi do Phường; Sở GDĐT tổ chức và đã đạt được những thành tích đáng ghi nhận với 36 Giải cấp Phường và Thành phố: 01 Huy chương Đồng cuộc thi "tài năng nhạc cụ thành phố Hà Nội lần thứ I"; 01 Giải Khuyến khích cấp Thành phố tại Ngày hội Tiếng Anh, STEM Robotics cho học sinh tiểu học thành phố Hà Nội; 01 Giải Ba "Đại sứ Văn hoá đọc" cấp Thành phố; 01 Giải Xuất sắc, 03 Giải Nhì, Ba, Khuyến khích cuộc thi "tài năng nhạc cụ phường Hồng Hà Lần thứ I"; 08 Huy chương Vàng, 06 Huy chương Bạc và 13 Huy chương Đồng về TDTT; 01 Giải Nhì, 01 Giải Ba cấp Phường cuộc thi vẽ tranh "Thiếu nhi Hồng Hà tiến bước dưới cờ Đoàn"; 01 học sinh vào top 10 thí sinh tiểu học xuất sắc nhất phường Hồng Hà cuộc thi tài năng tin học trẻ Quốc tế - Thành phố Hà Nội).

9. Đặc điểm tình hình nhà trường:

** Thuận lợi:*

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội, Đảng ủy, chính quyền địa phương.

Đội ngũ giáo viên nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm, sẵn sàng tiếp cận CNTT. Phụ huynh phối hợp tốt trong các hoạt động giáo dục.

Hạ tầng CNTT tương đối đầy đủ, đáp ứng yêu cầu quản lý và dạy học. - Cơ sở vật chất nhà trường khang trang với đầy đủ các phòng học, phòng chức năng, khu hiệu bộ....Các phòng đều được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp với chức năng công việc và chuyên môn.

- Ban giám hiệu luôn chú trọng tới các hoạt động giáo dục cũng như các hoạt động phong trào do các cấp phát động.

- Đội ngũ giáo viên tâm huyết, nhiệt tình, có trách nhiệm trong công việc.

- Các đoàn thể trong nhà trường phối hợp hiệu quả để hoàn thành tốt các nhiệm vụ.

- Phụ huynh học sinh luôn ủng hộ, phối hợp tốt với nhà trường trong các hoạt động giáo dục.

** Khó khăn:*

- Một số giáo viên lớn tuổi còn hạn chế kỹ năng sử dụng nền tảng số.

- Một bộ phận phụ huynh chưa thật đồng đều về khả năng phối hợp, đồng hành cùng nhà trường trong giáo dục học sinh.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	**59**		**3**	**46**	**2**	**2**	**4**
I	**Giáo viên**	**47**		**1**	**45**	**1**	**0**	**0**
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	*12*		*1*	*11*			
1	Tiếng dân tộc							
2	Ngoại ngữ	4		1	3			
3	Tin học	1			1			
4	Âm nhạc	2			2			
5	Mỹ thuật	2			2			
6	Thể dục	3			3			
II	**Cán bộ quản lý**	**3**		**2**	**1**			
1	Hiệu trưởng	1			1			
2	Phó hiệu trưởng	2		2				
III	**Nhân viên**	**8**			**1**	**1**	**3**	**4**
1	Nhân viên văn thư	1					1	
2	Nhân viên kế toán	1			1			
3	Thủ quỹ	0						
4	Nhân viên y tế	1					1	
5	Nhân viên thư viện	1				1		
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1					1	
7	Nhân viên công nghệ thông tin	0						
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0						
9	Bảo vệ, lao công	4						4

Trong đó, 46/47 GV đạt chuẩn theo Luật GD 2019 chiếm tỷ lệ **97,9%;** 07 giáo viên đang theo học cao học, chiếm tỷ lệ **14,9%;** Hiện tại nhà trường còn 01 giáo viên cơ bản đã học xong Đại học đang chờ cấp Bằng tốt nghiệp.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Trường có diện tích 7054 m^2. Khuôn viên nhà trường được xây dựng ở vị trí thuận tiện cho học sinh đến trường, diện tích bình quân 5,3m^2/học sinh.

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học/số lớp**	38/33	Số m^2/học sinh
II	**Loại phòng học**		-
1	Phòng học kiên cố	38	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
III	**Số điểm trường lẻ**	0	-
IV	**Tổng diện tích đất** (m^2)	7054	5.3
V	**Diện tích sân chơi, bãi tập** (m^2)	2160	1.6
VI	**Tổng diện tích các phòng**	2324	
1	Diện tích phòng học (m^2)	1680	
2	Diện tích thư viện (m^2)	150	
3	*Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m^2)*	260	
4	*Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m^2)*	50	
5	*Diện tích phòng ngoại ngữ (m^2)*	82	
6	*Diện tích phòng học tin học (m^2)*	50	
7	*Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m^2)*	41	
8	*Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m^2)*	0	
9	*Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m^2)*	48	
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	*Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định*	*33*	*1/1*
1.1	Khối lớp 1	8	*1/1*
1.2	Khối lớp 2	6	*1/1*
1.3	Khối lớp 3	6	*1/1*
1.4	Khối lớp 4	6	*1/1*
1.5	Khối lớp 5	7	*1/1*
2	*Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định*	*0*	
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	0	
2.5	Khối lớp 5	0	
VIII	**Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	26	
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	33	1/1
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	

5	Đàn organ	7	
6	Đàn Piano	0	

	Nội dung	Số lượng(m^2)
X	**Nhà bếp**	270
XI	**Nhà ăn**	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**	33/1321	1321	1.2
XIII	**Khu nội trú**	Không		

XIV	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4		22		0.52
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

		Có	Không
XV	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	x	
XVI	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	x	
XVII	**Kết nối internet**	x	
XVIII	**Trang thông tin điện tử (website) của trường**	x	
XIX	**Tường rào xây**	x	

- Duy trì môi trường, khung cảnh sư phạm luôn xanh, sạch, đẹp, an toàn: ký hợp đồng với công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ vệ sinh công nghiệp ENVICO.

- Bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị trình chiếu, máy tính (33 tivi, 63 bộ máy tính, 7 máy in) với công ty Zinga Việt Nam

+ Hệ thống mạng: 05 đường mạng của FPT tại các toà nhà

- Các thiết bị đồ dùng dạy học được phân phối đến từng khối lớp để GV tiện sử dụng hàng ngày. Nhân viên thiết bị thông báo kịp thời những thiết bị đồ dùng dạy học mới được cấp phát để GV biết, mượn sử dụng, có sổ theo dõi cập nhật thường xuyên việc sử dụng đồ dùng dạy học của giáo viên với tổng số lượt mượn đồ dùng dạy học: 4485 lượt

- Ban giám hiệu thường xuyên kiểm tra việc sử dụng thiết bị ĐDDH trên lớp của GV thông qua việc dự giờ thăm lớp. Quản lý tốt thiết bị đồ dùng dạy học hiện có, tổ chức kiểm tra nhắc nhở việc bảo quản đến mọi thành viên trong nhà

trường. Chỉ đạo nhân viên phụ trách thiết bị kết hợp với tổ chuyên môn đôn đốc, theo dõi việc bảo quản sử dụng của giáo viên.

- Định kì 2 lần/ năm nhà trường tiến hành kiểm kê tài sản cố định và các thiết bị đồ dùng dạy học tại các lớp học, phòng chức năng và văn phòng.

Trường có sân chơi được lát gạch đảm bảo diện tích khuôn viên, sân chơi, bãi tập theo quy định. Sân chơi, sân tập bằng phẳng đảm bảo an toàn cho học sinh vui chơi, rèn luyện thể dục thể thao, có các dụng cụ luyện tập thể dục, thể thao cho học sinh như: bóng rổ, cầu lông...

Sách giáo khoa:

- Việc tổ chức đề xuất lựa chọn sách giáo khoa được nhà trường thực hiện theo đúng quy trình quy định.

- Việc tổ chức mua sách giáo khoa: Nhà trường tuyên truyền để CMHS nhận thức được việc mua sách giáo khoa đối với học sinh là hoàn toàn tự nguyện. Đối với những CMHS có nhu cầu mua sách giáo khoa, nhà trường triển khai như sau:

+ Vào cuối mỗi năm học, dựa trên danh mục sách giáo khoa đã được phê duyệt, các tổ chuyên môn họp, thảo luận thống nhất lựa chọn các đầu sách cần thiết phục vụ năm học mới.

+ Nhân viên Thư viện thông báo đăng ký mua sách giáo khoa năm học mới và gửi thông báo tới phụ huynh học sinh

+ Giáo viên chủ nhiệm tổng hợp đăng kí mua sách giáo khoa của CMHS, nhân viên thư viện tổng hợp số lượng sách giáo khoa toàn trường mà CMHS đăng kí để đăng kí với phòng VHXH phường.

- Việc sử dụng sách giáo khoa tại nhà trường: 100% học sinh có đủ sách giáo khoa. Việc sử dụng sách giáo khoa tại trường hiệu quả vì nhà trường thường xuyên tuyên truyền, nhắc nhở, giáo dục học sinh ý thức giữ gìn, bảo quản sách giáo khoa, bọc, dán nhãn vở đầy đủ, giữ sạch sẽ, không để quăn mép sách để có thể sử dụng và tái sử dụng cho các năm học sau.

- Nhà trường không điều chỉnh, bổ sung Danh mục sách giáo khoa sau khi đã được phê duyệt.

IV. CÔNG TÁC KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG, TRƯỜNG CHUẨN QUỐC GIA

Cơ sở vật chất của nhà trường tiếp tục được quan tâm đầu tư, từng bước hoàn thiện. Phòng học, phòng chức năng, trang thiết bị dạy học cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy và học; cảnh quan sư phạm được giữ gìn xanh – sạch – đẹp đáp ứng yêu cầu duy trì và nâng cao các tiêu chí trường chuẩn quốc gia.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Năm học 2025-2026, nhà trường tiếp tục phát huy các điểm mạnh, các quy định về chuyên môn của nhà trường, thường xuyên tổ chức các chuyên đề nâng cao chất lượng, tăng cường công tác dự giờ, đổi mới sinh hoạt chuyên môn tạo điều kiện giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn do ngành tổ chức giao lưu; nâng cao chất lượng các câu lạc bộ năng khiếu để các phong trào, hội thi đạt hiệu quả cao hơn. Bên cạnh đó, nhà trường cũng chủ động thực hiện các biện pháp rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

- Kết quả giáo dục thực tế năm học 2025-2026:

	Sĩ số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1						Lớp 2						Lớp 3						Lớp 4						Lớp 5					
			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số					Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số					Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số					Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số					Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số				
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật
I. Kết quả học tập																																
1. Tiếng Việt	***1321***	***1.321***	291	141	3	2		1	246	131	2			2	245	111	8	1		1	229	112	3				310	154	3	3		3
Hoàn thành tốt		***862***	198	113	2	2			165	93	1				151	79	6	1			150	82	3				198	118	2	2		
Hoàn thành		***458***	92	27	1			1	81	38	1			2	94	32	2			1	79	30					112	36	1	1		3
Chưa hoàn thành		***1***	1	1																												
2. Toán	***1321***	***1.321***	291	141	3	2		1	246	131	2			2	245	111	8	1		1	229	112	3				310	154	3	3		3
Hoàn thành tốt		***984***	234	120	3	2			200	107	1			1	176	81	4				141	71	3				233	114	1	1		
Hoàn thành		***337***	57	21				1	46	24	1			1	69	30	4	1		1	88	41					77	40	2	2		3
Chưa hoàn thành																																
3. Đạo đức	***1321***	***1.321***	291	141	3	2		1	246	131	2			2	245	111	8	1		1	229	112	3				310	154	3	3		3
Hoàn thành tốt		***1.054***	224	118	2	2			198	110	1			1	195	94	5			1	188	99	2				249	132	3	3		1
Hoàn thành		***267***	67	23	1			1	48	21	1			1	50	17	3	1			41	13	1				61	22				2
Chưa hoàn thành																																
4. Tự nhiên và Xã hội	***782***	***782***	291	141	3	2		1	246	131	2			2	245	111	8	1		1												
Hoàn thành tốt		***556***	208	107	2	2			173	97	1			1	175	88	6	1														
Hoàn thành		***226***	83	34	1			1	73	34	1			1	70	23	2			1												
Chưa hoàn thành																																
5. Khoa học	***539***	***539***																			229	112	3				310	154	3	3		3
Hoàn thành tốt		***446***																			174	89	3				272	141	3	3		1
Hoàn thành		***93***																			55	23					38	13				2
Chưa hoàn thành																																
6. LS&ĐL	***539***	***539***																			229	112	3				310	154	3	3		3
Hoàn thành tốt		***421***																			166	86	3				255	133	2	2		
Hoàn thành		***118***																			63	26					55	21	1	1		3
Chưa hoàn thành																																
7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	***1321***	***1.321***	291	141	3	2		1	246	131	2			2	245	111	8	1		1	229	112	3				310	154	3	3		3
Hoàn thành tốt		***969***	215	121	3	2			176	104	1				180	95	6			1	186	101	2				212	119	3	3		1
Hoàn thành		***352***	76	20				1	70	27	1			2	65	16	2	1			43	11	1				98	35				2
Chưa hoàn thành																																
8. Nghệ thuật (Mĩ thuật)	***1321***	***1.321***	291	141	3	2		1	246	131	2			2	245	111	8	1		1	229	112	3				310	154	3	3		3
Hoàn thành tốt		***980***	218	116	2	2			172	104	1			1	195	98	6			1	184	106	3				211	127	3	3		1
Hoàn thành		***341***	73	25	1			1	74	27	1			1	50	13	2	1			45	6					99	27				2
Chưa hoàn thành																																
9. Hoạt động trải nghiệm	***1321***	***1.321***	291	141	3	2		1	246	131	2			2	245	111	8	1		1	229	112	3				310	154	3	3		3
Hoàn thành tốt		***993***	209	113	3	2			176	99	1			1	187	92	7				187	97	3				234	127	2	2		1
Hoàn thành		***328***	82	28				1	70	32	1			1	58	19	1	1		1	42	15					76	27	1	1		2
Chưa hoàn thành																																

10. Giáo dục thể chất	***1321***	***1.321***	291	141	5	2		1	246	131	2			2	245	111	8	1		1	229	112	5				310	154	5	5		5
Hoàn thành tốt		***968***	210	117	2	2			179	105	1				167	86	5	1			166	96	3				246	138	2	2		
Hoàn thành		***353***	81	24	1			1	67	26	1			2	78	25	3			1	63	16					64	16	1	1		3
Chưa hoàn thành																																
11. TH-CN (Công nghệ)	***784***	***784***													245	111	8	1		1	229	112	3				310	154	3	3		3
Hoàn thành tốt		***607***													168	78	5	1			189	94	2				250	134	2	2		
Hoàn thành		***177***													77	33	3			1	40	18	1				60	20	1	1		3
Chưa hoàn thành																																
12. TH-CN (Tin học)	***1101***	***784***													245	111	8	1		1	229	112	3				310	154	3	3		3
Hoàn thành tốt		***633***													189	90	6	1			174	84	2				270	138	2	2		2
Hoàn thành		***151***													56	21	2			1	55	28	1				40	16	1	1		1
Chưa hoàn thành																																
13. Ngoại ngữ	***1321***	***1.321***	291	141	3	2		1	246	131	2			2	245	111	8	1		1	229	112	3				310	154	3	3		3
Hoàn thành tốt		***943***	236	126	3	2			182	101				1	152	77	6				162	88	2				211	112	2	2		
Hoàn thành		***378***	55	15				1	64	30	2			1	93	34	2	1		1	67	24	1				99	42	1	1		3
Chưa hoàn thành																																
14. Tiếng dân tộc																																
Hoàn thành tốt																																
Hoàn thành																																
Chưa hoàn thành																																
II. Năng lực cốt lõi																																
Năng lực chung																																
Tự chủ và tự học	***1321***	***1.321***	291	141	3	2		1	246	131	2			2	245	111	8	1		1	229	112	3				310	154	3	3		3
Tốt		***1.119***	268	136	3	2			214	121	1			1	205	96	8	1			190	97	3				242	126	3	3		
Đạt		***201***	22	4				1	32	10	1			1	40	15				1	39	15					68	28				3
Cần cố gắng		***1***	1	1																												
Giao tiếp và hợp tác	***1321***	***1.321***	291	141	3	2		1	246	131	2			2	245	111	8	1		1	229	112	3				310	154	3	3		3
Tốt		***1.148***	271	133	3	2			223	123	1			1	210	100	7			1	192	99	3				252	134	3	3		1
Đạt		***173***	20	8				1	23	8	1			1	35	11	1	1			37	13					58	20				2
Cần cố gắng																																
Giải quyết vấn đề và sáng tạ	***1321***	***1.321***	291	141	3	2		1	246	131	2			2	245	111	8	1		1	229	112	3				310	154	3	3		3
Tốt		***1.057***	253	129	2	2			203	114	1			1	189	88	7				182	93	3				230	120	2	2		
Đạt		***264***	38	12	1			1	43	17	1			1	56	23	1	1		1	47	19					80	34	1	1		3
Cần cố gắng																																
Năng lực đặc thù																																
Ngôn ngữ	***1321***	***1.321***	291	141	3	2		1	246	131	2			2	245	111	8	1		1	229	112	3				310	154	3	3		3
Tốt		***1.120***	266	135	3	2			219	120	2			1	200	95	8	1		1	185	97	3				250	134	3	3		1
Đạt		***201***	25	6				1	27	11				1	45	16					44	15					60	20				2
Cần cố gắng																																
Tính toán	***1321***	***1.321***	291	141	3	2		1	246	131	2			2	245	111	8	1		1	229	112	3				310	154	3	3		3
Tốt		***1.109***	276	134	3	2			215	117	1			1	194	90	8	1			177	89	3				247	125	2	2		
Đạt		***212***	15	7				1	31	14	1			1	51	21				1	52	23					63	29	1	1		3
Cần cố gắng																																
Tin học	***784***	***784***													245	111	8	1		1	229	112	3				310	154	3	3		3

Tốt		*659*													199	95	7	1			196	99	3				264	137	3	3		
Đạt		*125*													46	16	1			1	33	13					46	17				3
Cần cố gắng																																
Công nghệ	*784*	*784*													245	111	8	1		1	229	112	3				310	154	3	3		3
Tốt		*663*													201	97	8	1			194	100	3				268	141	3	3		
Đạt		*121*													44	14				1	35	12					42	13				3
Cần cố gắng																																
Khoa học	*1321*	*1.321*	291	141	3	2		1	246	131	2			2	245	111	8	1		1	229	112	3				310	154	3	3		3
Tốt		*1.137*	276	136	3	2			217	123	2			1	198	96	8	1			185	96	3				261	137	3	3		
Đạt		*184*	15	5				1	29	8				1	47	15				1	44	16					49	17				3
Cần cố gắng																																
Thẩm mĩ	*1321*	*1.321*	291	141	3	2		1	246	131	2			2	245	111	8	1		1	229	112	3				310	154	3	3		3
Tốt		*1.126*	262	135	3	2			216	121	1			1	198	97	7	1		1	192	102	3				258	138	3	3		
Đạt		*195*	29	6				1	30	10	1			1	47	14	1				37	10					52	16				3
Cần cố gắng																																
Thể chất	*1321*	*1.321*	291	141	3	2		1	246	131	2			2	245	111	8	1		1	229	112	3				310	154	3	3		3
Tốt		*1.161*	281	138	3	2			223	121	1			1	196	95	8	1			193	100	3				268	141	3	3		
Đạt		*160*	10	3				1	23	10	1			1	49	16				1	36	12					42	13				3
Cần cố gắng																																
III. Phẩm chất chủ yếu																																
Yêu nước	*1321*	*1.321*	291	141	3	2		1	246	131	2			2	245	111	8	1		1	229	112	3				310	154	3	3		3
Tốt		*1.321*	291	141	3	2		1	246	131	2			2	245	111	8	1		1	229	112	3				310	154	3	3		3
Đạt																																
Cần cố gắng																																
Nhân ái	*1321*	*1.321*	291	141	3	2		1	246	131	2			2	245	111	8	1		1	229	112	3				310	154	3	3		3
Tốt		*1.276*	290	140	3	2		1	238	128	2			1	226	107	8	1		1	223	112	3				299	153	3	3		2
Đạt		*45*	1	1					8	3				1	19	4					6						11	1				1
Cần cố gắng																																
Chăm chỉ	*1321*	*1.321*	291	141	3	2		1	246	131	2			2	245	111	8	1		1	229	112	3				310	154	3	3		3
Tốt		*1.150*	261	131	3	2			219	121	1			1	199	100	7	1		1	192	97	2				279	142	3	3		1
Đạt		*171*	30	10				1	27	10	1			1	46	11	1				37	15	1				31	12				2
Cần cố gắng																																
Trung thực	*1321*	*1.321*	291	141	3	2		1	246	131	2			2	245	111	8	1		1	229	112	3				310	154	3	3		3
Tốt		*1.242*	280	136	3	2			238	128	2			1	230	109	7	1		1	201	103	2				293	151	3	3		1
Đạt		*79*	11	5				1	8	3				1	15	2	1				28	9	1				17	3				2
Cần cố gắng																																
Trách nhiệm	*1321*	*1.321*	291	141	3	2		1	246	131	2			2	245	111	8	1		1	229	112	3				310	154	3	3		3
Tốt		*1.167*	268	135	3	2			220	121	1			1	203	105	7	1		1	192	100	2				284	146	3	3		1
Đạt		*154*	23	6				1	26	10	1			1	42	6	1				37	12	1				26	8				2
Cần cố gắng																																
IV. Đánh giá KQGD	*1321*	*1.321*	291	141	3	2		1	246	131	2			2	245	111	8	1		1	229	112	3				310	154	3	3		3
- Hoàn thành xuất		*542*	128	76	2	2			103	60					92	52	2				90	44	1				129	73	1	1		
- Hoàn thành tốt□		*153*	31	18					29	13	1				29	15	1				29	19	1				35	20				
- Hoàn thành		*625*	131	46	1			1	114	58	1			2	124	44	5	1		1	110	49	1				146	61	2	2		3

- Chưa hoàn thành□		*1*	1	1																												
V. Khen thưởng		*733*	185	109	3	2			134	73	1				127	69	3				122	63	2				165	92	1	1		
- Giấy khen cấp trường		*695*	159	94	2	2			134	73	1				122	67	3				121	63	2				159	90	1	1		
- Giấy khen cấp trên		*38*	26	15	1										5	2					1						6	2				
VI. HSDT được trợ giảng																																
VII. HS.K.Tật		*7*	1					1	2	1				2	1	1				1							3	1				3
VIII. HS bỏ học kỳ II																																
+ Hoàn cảnh GĐKK																																
+ KK trong học tập																																
+ Xa trường, đi lại K.khăn																																
+ Thiên tai, dịch bệnh																																
+ Nguyên nhân khác																																
IX. Chương trình lớp học□	1321	1.321	291	141	3	2		1	246	131	2			2	245	111	8	1		1	229	112	3				310	154	3	3		3
Hoàn thành	1320	1.320	290	140	3	2		1	246	131	2			2	245	111	8	1		1	229	112	3				310	154	3	3		3
Chưa hoàn thành□	1	1	1	1																												

**** Khen thưởng và lên lớp năm học 2025-2026:***

- Hoàn thành xuất sắc: 541 = 39,7%
- Học sinh tiêu biểu: 155 = 10,8%
- Lên lớp: 1320 = 99,9%
- Kiểm tra lại trong hè: 01 = 0,1%

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Nội dung	Số tiền
I	**Hoạt động hành chính sự nghiệp**	
1	Doanh thu	14,519,000,000
	a. Từ NSNN cấp	*14,519,000,000*
	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	
	c. Từ nguồn phí được khấu trừ để lại	
2	Chi phí	13,836,684,600
	a. Chi phí hoạt động	*13,836,684,600*
	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	
	c. Chi phí hoạt động thu phí	
3	Thặng dư/ thâm hụt	682,315,400
II	**Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ**	
1	Doanh thu	7,807,938,000
2	Chi phí	7,931,406,438
3	Thặng dư/ thâm hụt	(123,468,438)
III	**Hoạt động tài chính**	
1	Doanh thu	1,755,326
2	Chi phí	1,755,326
3	Thặng dư/ thâm hụt	-
IV	**Hoạt động khác**	
1	Doanh thu	
2	Chi phí	
3	Thặng dư/ thâm hụt	
V	**Chi phí thuế TNDN**	**156,158,760**
VI	**Thặng dư/ thâm hụt trong năm**	**517,483,167**
1	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	
2	Phân phối cho các quỹ (nguồn NSNN)	215,844,507
3	Kinh phí cải cách tiền lương	301,638,660

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, lối sống, KNS, ANAT trường học, TDTT, ATTP, Y tế trường học, tư vấn tâm lý học sinh:

**** Công tác tuyên truyền giáo dục đạo đức, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, hoạt động ngoài giờ lên lớp:***

Nhà trường triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo các cấp và ban hành kế hoạch, quyết định thành lập ban chỉ đạo cho từng hoạt động: tuyên truyền giáo dục pháp luật, giáo dục đạo đức, lối sống, KNS, hoạt động giáo dục NGLL, VHVN-TDTT tới toàn thể CB, GV, NV và học sinh. Thực hiện tốt các chủ điểm hàng tháng, các đợt tuyên truyền nhân kỉ niệm các ngày lễ lớn, các hoạt động mang tính phong trào thường xuyên của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Chú trọng nội dung sinh hoạt tập thể dưới cờ, sinh hoạt truyền thống, đổi mới phương pháp tổ chức các hoạt động, tăng cường giáo dục pháp luật, truyền thống lịch sử văn hóa địa phương cho học sinh, tích cực tham gia các hoạt động tuyên truyền, văn nghệ do các các cấp phát động và truyền thông trên trang thông tin của nhà trường với kết quả cụ thể như sau:

+ Tuyên truyền giáo dục đạo đức lối sống: **110** hoạt động.

+ Tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật, rèn luyện kỹ năng*:* **40** hoạt động.

+ Tổ chức phong trào thi đua, tuyền truyền phòng bệnh: 32 hoạt động.

Bên cạnh đó, nhà trường thực hiện lồng ghép GDPL, GD đạo đức, lối sống, KNS trong các tiết học. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền trên các trang thông tin chính thức của nhà trường, trong đó có: **182** Bài đăng Website, **182** bài đăng fanpage Facebook.

**** Giáo dục lịch sử địa phương:***

Triển khai thực hiện nghiêm túc việc tích hợp nội dung giáo dục địa phương và di sản vào các môn học và hoạt động trải nghiệm. Nhà trường đã phối hợp với Ban quản lý di tích tổ chức cho học sinh học tập, trải nghiệm thực tế tại các di tích lịch sử, văn hoá, làng nghề như: Đình Nội Châu; Làng nghề truyền thống: Đào Nhật Tân …

**** Công tác tư vấn tâm lý cho HS:***

Năm học 2025-2026, tổ tư vấn tâm lý của trường đã tư vấn cho 20 học sinh với các vấn đề về tâm lý lứa tuổi, tâm lý căng thẳng và không ổn định trong quá trình học trực tuyến…

Tổ chức 2 buổi tư vấn toàn trường về giáo dục giới tính cho học sinh lớp 4,5 và giáo dục kiềm chế cảm xúc cho học sinh các khối lớp.

**** Công tác y tế học đường, phòng chống dịch bệnh:***

- Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã thành lập ban chăm sóc sức khỏe học sinh, phân công nhiệm vụ cụ thể các thành viên trong ban để triển khai các văn bản của cấp trên, chủ động trong công tác chăm sóc sức khỏe học sinh, phòng chống dịch bệnh.

- Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch phòng, chống dịch bệnh như phòng chống sốt xuất huyết, đau mắt đỏ, bạch hầu, đậu mùa khỉ,…tuyên truyền trên các trang thông tin của trường về các biện pháp phòng chống dịch bệnh. Chủ động phun thuốc diệt muỗi, côn trùng các lớp học, khu vệ sinh, khuôn viên trường để phòng, chống sốt xuất huyết. Nhà trường đã tuyên truyền 20 bài phòng chống dịch bệnh trong nhà trường, đón 01 đợt kiểm tra công tác y tế đạt kết quả tốt.

**** Công tác VN - TDTT:***

- Tổ chức thực hiện hiệu quả chương trình môn học Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Mỹ thuật,….; đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và cách đánh giá tạo hứng thú, yêu thích môn học, không gây áp lực cho học sinh; Duy trì tập dân vũ đầu giờ. Tổ chức cho HS tham gia các trò chơi dân gian, tổ chức thành công HKPĐ cấp trường với các môn thi đấu bóng rổ Khối 4, 5; kéo co Khối 1, 2, 3; cờ vua cho HS toàn trường; các CLB văn hóa văn nghệ - TDTT như bóng rổ, cờ vua, múa, đàn, mĩ thuật,….

. **** Công tác ATTP:***

Nhà trường triển khai đầy đủ và kịp thời các văn bản chỉ đạo các cấp về công tác vệ sinh ATTP. Xây dựng kế hoạch công tác bán trú, an toàn thực phẩm trong nhà trường, thành lập Ban chỉ đạo, Ban quản lý bán trú, tổ tự giám sát năng lực tự quản bếp ăn tập thể, xây dựng kế hoạch số ngày về triển khai mô hình và đầy đủ phương án xử lý ngộ độc thực phẩm tại trường.

Toàn trường có 1214 học sinh ăn bán trú. Có đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ học sinh ăn, ngủ tại trường. Ban quản lý bán trú thường xuyên kiểm tra công tác nhập thực phẩm, chế biến và chia suất ăn cho học sinh của công ty Quang Anh Chu; cập nhật thường xuyên mã QR truy xuất nguồn gốc thực phẩm trên trang

Web của nhà trường. Hiện tại, các đơn vị cung cấp thực phẩm cho bếp ăn nhà trường đều có đủ hồ sơ năng lực, giấy chứng nhận đảm bảo VSATTP.

Công tác lưu mẫu thức ăn được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định.

Công tác an ninh, an toàn trường học:

Nhà trường triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo các cấp về công tác an ninh an toàn trường học. Xây dựng kế hoạch và thành lập Ban chỉ đạo đảm bảo an toàn mùa mưa bão trong nhà trường. Xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh an toàn trường học, thành lập Ban chỉ đạo an toàn trường học.

Hàng tháng rà soát các yếu tố gây mất an toàn cho học sinh: điện, phòng cháy chữa cháy, lan can, khu vui chơi,… và có biện pháp khắc phục kịp thời, có đầy đủ biên bản kèm theo.

2. Công tác CCHC, tuyên truyền phổ biến GD pháp luật, phòng chống tham nhũng, thực hiện quy chế dân chủ, công khai:

Trên cơ sở các băn bản chỉ đạo các cấp về thực hiện quy tắc ứng xử, cải cách hành chính, thực hiện công khai, dân chủ, nhà trường xây dựng kế hoạch tuyên tuyên truyền tại nhà trường; thực hiện nghiêm túc công tác tiếp công dân, giải quyết thủ tục hành chính nhanh, gọn, khoa học; công khai theo tháng, quý, năm theo đúng quy định.

100% CB, GV, NV ký cam kết thực hiện 2 bộ quy tắc ứng xử.

3. Công tác đánh giá, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ:

- Toàn trường hiện có 46/47 GV đạt chuẩn theo Luật GD 2019 chiếm tỷ lệ **97,9%;** 07 giáo viên đang theo học cao học, chiếm tỷ lệ **14,9%;** Hiện tại nhà trường còn 01 giáo viên cơ bản đã học xong Đại học đang chờ cấp Bằng tốt nghiệp.

- Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cho CB, GV, NV, trong đó đặc biệt chú trọng đến công tác tự bồi dưỡng và bồi dưỡng theo các chuyên đề. Đến thời điểm hiện tại, nhà trường đã hoàn thành 8/8 nội dung bồi dưỡng cho GV theo kế hoạch đã xây dựng từ đầu năm học. 01 chuyên đề mời chuyên gia.

- Nhà trường luôn tạo điều kiện cho CB, GV, NV tham gia các lớp học nâng cao trình độ, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ do các cấp tổ chức.

4. Công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia, KĐCLGD:

Cơ sở vật chất của nhà trường tiếp tục được quan tâm đầu tư, từng bước hoàn thiện. Phòng học, phòng chức năng, trang thiết bị dạy học cơ bản đáp ứng

yêu cầu dạy và học; cảnh quan sư phạm được giữ gìn xanh – sạch – đẹp đáp ứng yêu cầu duy trì và nâng cao các tiêu chí trường chuẩn quốc gia.

5. Công tác văn phòng, thông tin báo cáo, thi đua, khen thưởng:

Để việc quản lí học sinh được chặt chẽ, giáo viên cập nhật danh sách học sinh theo lớp trên hệ thống thông tin quản lí giáo dục của Sở Giáo dục và Đào tạo ngay từ đầu năm học.

Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kì và đột xuất.

Thông tin hai chiều kịp thời, báo cáo các mặt hoạt động động của các cá nhân, bộ phận mình chính xác, đúng thời gian quy định về lãnh đạo nhà trường, với Phòng VH-XH, chính quyền địa phương, với cán bộ giáo viên và phụ huynh học sinh một cách thường xuyên liên tục qua hệ thống văn bản, gmail, zalo nội bộ và văn bản giấy để thông tin liên lạc và báo cáo.

Thường xuyên kiểm tra, rà soát, đánh giá, báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ của nhà trường theo kế hoạch đã được lập; tổ chức hội ý để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch kịp thời khi có các hoạt động phát sinh hoặc các hoạt động bị chồng chéo.

6. Tham gia các phong trào thi đua, các cuộc vận động:

Trường Tiểu học Nhật Tân đã tổ chức triển khai các phong trào thi đua thiết thực, gắn với nhiệm vụ chuyên môn, yêu cầu đổi mới giáo dục và đặc điểm thực tiễn của nhà trường. Các phong trào được phát động thường xuyên, có nội dung cụ thể, phù hợp với từng đối tượng cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; qua đó tạo khí thế thi đua sôi nổi, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

a. Phong trào "Đổi mới sáng tạo trong dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục"

Nhà trường đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học theo Chương trình GDPT 2018, tăng cường sinh hoạt chuyên môn, dự giờ và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy. Giáo viên tích cực sử dụng học liệu số, bài giảng điện tử, tổ chức hoạt động trải nghiệm và đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh.

b. Phong trào "Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong nhà trường gắn với giáo dục kỹ năng công dân số"

Nhà trường tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản lý và dạy học, tổ chức 03 buổi tập huấn về STEM, công tác chủ nhiệm và ứng dụng AI. Học sinh

được rèn luyện kỹ năng sử dụng công nghệ an toàn và có ý thức trách nhiệm khi tham gia môi trường mạng.

c. Phong trào "Nhà trường văn hóa – Nhà giáo mẫu mực – Học sinh thanh lịch"

100% cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện cam kết quy tắc ứng xử trong trường học. Học sinh có ý thức lễ phép, thực hiện tốt nội quy; môi trường sư phạm được giữ vững nền nếp, an toàn, thân thiện và không xảy ra vi phạm đạo đức nhà giáo.

d. Phong trào "Xây dựng trường học Sáng – Xanh – Sạch – Đẹp – Hạnh phúc"

Nhà trường triển khai phong trào tới 100% lớp học, xây dựng lớp học thân thiện, sạch đẹp và tăng cường giáo dục bảo vệ môi trường. Học sinh tích cực tham gia chăm sóc cây xanh, giữ gìn vệ sinh trường lớp, góp phần tạo môi trường học tập an toàn, hạnh phúc và hiệu quả.

e.. Hoạt động nhân đạo, từ thiện.

Nhà trường làm tốt công tác từ thiện, tích cực tham gia ủng hộ các loại quỹ nhân đạo, từ thiện, tham gia hiến máu nhân đạo... Tổng số tiền cán bộ giáo viên và học sinh ủng hộ trong năm học 2025 – 2026 là: 40.000.000 đồng cùng 3 xe nhu yếu phẩm ủng hộ các em học sinh trường tiểu học Bố Hạ tỉnh Bắc Ninh, trường tiểu học Quang Vinh và trường THCS Hoàng Văn Thụ tỉnh Thái Nguyên cùng nhân dân bị thiệt hại do mưa lũ.

Thông qua các hoạt động này, học sinh được giáo dục tinh thần tương thân tương ái, biết sẻ chia và nâng cao trách nhiệm với cộng đồng

7. Công tác nghiên cứu khoa học, phổ biến, áp dụng SKKN:

Nhà trường triển khai đầy đủ, kịp thời các văn bản hướng dẫn của cấp trên về công tác nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm, xây dựng kế hoạch của nhà trường, động viên khuyến khích CB, GV, NV tham gia viết sáng kiến kinh nghiệm

Tổ chức chấm và lựa chọn SKKN nộp PGDĐT. Năm học 2025-2026, nhiều SKKN của CB, GV nhà trường được đầu tư với các nội dung thiết thực, sáng tạo. Các đề tài nghiên cứu trên nhiều lĩnh vực đã thể hiện sự nhiệt tình rất đáng trân trọng, cố gắng tìm kiếm giải pháp, câu trả lời nghiêm túc, hiệu quả cho nhiều vấn đề trong công tác quản lý, dạy học hàng ngày với 12 SKKN nộp phòng VHXH phường Hồng Hà.

8. Công tác phổ cập GD, xóa mùa chữ:

Nhà trường phối hợp với UBND phường Hồng Hà điều tra, rà soát đối tượng trong độ tuổi phổ cập giáo dục trên địa bàn; cập nhật đầy đủ dữ liệu trên phần mềm phổ cập giáo dục theo quy định. Công tác tuyển sinh năm học 2025-2026 được thực hiện đúng kế hoạch, đúng tuyến, công khai, minh bạch.

Kết quả: nhà trường huy động 100% trẻ 6 tuổi ra lớp; học sinh học đúng độ tuổi đạt 100%; học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đúng độ tuổi đạt 100%; duy trì sĩ số đạt 100%, không có học sinh bỏ học.

Nhà trường đã tuyên truyền tới 100% CBQL- GV về ý nghĩa công tác phổ cập giáo dục tiểu học - xóa mù chữ; phối hợp với UBND phường điều tra đối tượng phổ cập và vào phần mềm phổ cập; tích cực, chủ động tham mưu với các cấp lãnh đạo chính quyền địa phương kiện toàn ban chỉ đạo PCGD, xây dựng kế hoạch, duy trì đạt PCGDTH, nâng cao chất lượng giáo dục, tạo mọi điều kiện và cơ hội cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được đi học và hoàn thành chương trình tiểu học.

Kết quả: Nhà trường duy trì phổ cập giáo dục Tiểu học đạt mức độ 3

9. Công tác chuyển đổi số và quản lý

- 100% giáo viên ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin vào công tác giảng dạy. Nhiều giáo viên đã tích cực ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong soạn giảng mang lại những tiết học sinh động, hấp dẫn.

- Giáo viên tích cực thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng có hiệu quả các phần mềm dạy học, các kỹ thuật dạy học tích cực trong tiết dạy.

- Trong năm học 2025 – 2026, tổng số bài giảng điện tử có chất lượng đóng góp vào kho học liệu dùng chung là 1010 bài; Số tiết dạy ứng dụng công nghệ thông tin là 21755 tiết. Trang web của nhà trường hoạt động hiệu quả với 189 bài và 716.092 lượt truy cập, góp phần đưa công tác truyền thông của nhà trường đến gần với phụ huynh học sinh hơn. Các hoạt động dạy và học, hoạt động ngoại khóa, các phong trào thi đua của thầy và trò nhà trường đã được đăng tải trên trang Web thường xuyên và hiệu quả với những bài viết ngắn gọn, hình ảnh minh họa phong phú, thu hút đông đảo sự quan tâm của giáo viên, phụ huynh và học sinh.

- Nhà trường thực hiện tạo lập Học bạ số theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thông tin trong học bạ được cập nhật kịp thời, phản ánh đúng kết quả học tập, rèn luyện và thông tin cá nhân của học sinh. Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn và cán bộ quản lí thực hiện rà soát, xác nhận, kí số dữ liệu theo

thẩm quyền; chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin được ghi nhận trong Học bạ số.

- 100% phụ huynh học sinh thu tiền học qua phần mềm thu Enetviet.
- Kết quả chuyển đổi số: Đáp ứng mức độ 2.
- *Kết quả ứng dụng phần mềm trong Quản lý:* Phần mềm TEMIS đánh giá chuẩn GV: 50 CBGV, phần mềm csdl.hanoi.edu.vn: 50 CBGVNV, phần mềm Đánh giá công chức, viên chức hàng tháng: 59 CBGVNV;

10. Công tác thư viện:

Công tác thư viện được nhà trường quan tâm, đặc biệt là thư viện số. Với 8020 đầu sách được số hóa, xây dựng kho học liệu điện tử phong phú. Các mục lục sách điện tử, sách nói, bài giảng điện tử và video bài giảng trên phần mềm thư viện Quảng Ích được cập nhật tương đối đầy đủ, trong đó: Sách điện tử: 858, Bài giảng điện tử: 1010 bài, video: 270 video, sách nói: 229 sách. Hệ thống phần mềm quản lý thư viện số đã vận hành ổn định, cho phép học sinh và giáo viên truy cập, mượn trả tài liệu trực tuyến 24/7 thông qua thiết bị cá nhân. Trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch: "Tủ sách lớp học" đến giáo viên và học sinh toàn trường. Mỗi lớp một tủ sách bao gồm những truyện đọc về lịch sử, đạo đức, sách về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, nhằm tuyên truyền và giáo dục sâu rộng tới học sinh. Hoạt động của tủ sách không chỉ dừng lại ở việc mượn trả mà còn gắn liền với các buổi sinh hoạt 'Giới thiệu cuốn sách em yêu', giúp các em rèn luyện kỹ năng thuyết trình và lan tỏa văn hóa đọc.Tủ sách của lớp được hình thành từ nguồn đóng góp sách của học sinh và luân chuyển sách trên Thư viện xuống các lớp. Hoạt động tuyên truyền giới thiệu sách hàng tháng thực hiện đầy đủ, mỗi tháng một bài đăng trên trang web của trường và một bài giới thiệu tại tiết chào cờ. Phối hợp với giáo viên thực hiện tốt các tiết học thư viện. Bên cạnh đó Thư viện nhà trường cũng đã liên thông với các thư viện cấp tiểu học trong phường. Tham gia cuộc thi Đại sứ văn hoá đọc, các con học sinh đạt được 01 Giải Ba cấp Thành phố năm 2025. Tiếp tục duy trì Thư viện đạt Mức độ 2.

11. Công tác quản lý tài sản, quản lý các khoản thu khác trong nhà trường:

Nhà trường thực hiện thu chi theo đúng quy định tại các văn bản hướng dẫn của các cấp; thực hiện đúng quy trình thu chi. Các khoản thu thực hiện thu theo tháng, không thu gộp, thu dồn; không thu thêm bất kỳ khoản nào khác ngoài tờ trình.

12. Công tác tuyển sinh:

- Thực hiện chỉ đạo của UBND phường Hồng Hà để chuẩn bị cho công tác tuyển sinh năm học 2026-2027, nhà trường đã tiến hành rà soát, điều tra số trẻ trong độ tuổi ra lớp 1 trên địa bàn phường Hồng Hà và thực hiện chế độ báo cáo UBNd phường Hồng Hà qua phòng VHXH phường các nội dung như: dự kiến tuyển sinh, thực trạng đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất phục vụ cho năm học mới kịp thời, đúng tiến độ. Chỉ tiêu được giao: 290 học sinh/8 lớp.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thu Hương